

không đánh số trang. Giấy chữ nhỏ, khổ 18,2 × 27,3 cm. Cũng của tác giả trên viết năm 1687, nhưng bức thư này lại gửi cho Thầy cả Gabriel. Đầu thư có ghi rõ "tôi là Domin Hào gửi lời kính lạy thầy cả Gabriel được bằng an", cuối thư ký "tôi là Domingo V Hào là tôi tớ thầy".

3/ Văn bản thứ ba nằm ở các trang 76, 77, 78 : trang đầu gồm 24 dòng, trang giữa gồm 26 dòng, trang cuối gồm 23 dòng, mỗi dòng khoảng 15 chữ. Giấy tây khổ 16,7 × 21 cm. Đây là một bức thư chung của mấy thầy cả dòng Jésuites ở Ý gửi lời thăm các thầy các kẻ giảng quen biết ở Việt Nam. Tuy trên tờ đầu có ghi hai lần 1688, nhưng chắc đó do người làm ở kho lưu trữ ghi. căn cứ theo năm chép lại hay năm nhận hồ sơ, chứ bức thư thì có đề rõ rằng "làm thư này ở thành Roma năm từ con Đ.C.B ra đời là (16)87".

4/ Cũng trong tập V-681, cách tài liệu số 3 trên đây 13 trang, lại còn một bức thư trang, viết trên giấy tây khổ 25,5 × 19 cm : trang đầu gồm 32 dòng, trang sau gồm 29 dòng, mỗi dòng khoảng 17 chữ. Đây là thư của một kẻ giảng gửi lên thầy cả của mình kể chuyện về chuyến đi Xiêm và đi Tây của mình. Thư chép lại ngày 24/9/1688.

Trong tập V-736, một tập lưu trữ các tài liệu thuộc xứ Đàng Trong, khoảng từ 1667 đến 1692, hiện có hai tờ khai nhỏ viết trên giấy tây khổ 18 × 25,5 cm, một tờ đánh số trang là 837, một tờ là 838. Cả hai tờ khai này đều là của giáo dân gửi lên Giáo hoàng : trang 837 là tờ khai của giáo dân Bình nhương phủ, ở trang 838 là tờ khai của giáo dân Nha trang phủ. Tờ đầu gồm 22 dòng, tờ sau gồm 13 dòng, mỗi dòng đều khoảng 20 chữ. Dưới hai tờ này đều có kèm phần dịch ra tiếng La tinh. Cả hai tờ khai đều có ghi là vì năm Nhâm thân (1692).

Trong tập V-656 (xứ Đàng ngoài, khoảng 1667-1697, theo chữ ghi ở gáy) hiện còn giữ lại được 5 tài liệu bằng chữ Quốc ngữ cổ.

1/ Tài liệu có niên đại sớm nhất nằm ở trang 331-332. Đây là một văn bản gồm 36 trang rưỡi, tổng cộng 56 dòng (49 + 7), mỗi dòng khoảng 23 chữ, viết trên giấy tây khổ 20,5 × 31 cm. Nội dung văn bản này là sự trình bày của một thầy giảng Việt nam tên là V Phụng, về một bức thư trước đó giáo sĩ Tachard đã gửi về cho Giáo hoàng Innocent X. Đầu văn bản này có ghi ngày tháng là Chính hòa năm thứ 22, tháng 8, ngày 14 (1702). Dưới văn bản này có 10 dòng tiếng Pháp, sau đó lại tiếp 17 dòng Quốc ngữ. Nội dung bổ sung cho văn bản trên. Phần bổ sung này đề ngày 17/12/1703, và có tên ký của V Phụng, kèm thêm tên ký của năm người nữa là Huân, Thuận, Văn Khánh, Văn Thuyết, Văn Toán. Theo phỏng đoán của chúng tôi, đây là một bản văn chép lại để đưa vào hồ sơ lưu trữ.

2/ Cũng ở tập trên, từ trang 313 đến 320 lại có một văn bản dài 266 dòng (7 trang 38 dòng), mỗi dòng khoảng 20 chữ, viết trên giấy tây khổ 20,5 × 30 cm. Đây là một đơn chung của các thầy giảng, kẻ giảng Đàng Ngoài gửi lên Hội đồng các Hồng y để kiến nghị các giáo sĩ dòng Jésuites. Lá đơn này đề ngày 24 tháng 8 năm Chính hòa 23 (1702).

3/ Tài liệu thứ ba được lưu trữ ở trang 325-326. Đây là một văn bản dài 72 dòng (67 + 33), mỗi dòng khoảng 21 chữ, viết trên giấy tây khổ 18,5 × 25,5 cm. Nội dung là một bức thư của Dominique Văn Thịnh gửi kiện linh mục Fuciti. Trong thư không đề ngày tháng, nhưng có kể chuyện những năm 1673, 1676. Ở kho lưu trữ thì ghi vào hồ sơ năm

im 1703".

4/ Cũng thuộc năm này lại còn một văn bản đánh số trang là 281, 282, 283. Đây là một văn bản dài 63 dòng, mỗi dòng khoảng 20 chữ, viết trên giấy tây khổ 21 × 30,8 cm (trang 281 : 31 dòng, trang 282 : 31 dòng, trang 283 : 1 dòng). Nội dung văn bản này là một bức thư của các linh mục, kẻ giảng Đàng ngoài phản kháng việc dòng Jésuites vu cáo trên của họ là Mgr d' Auren. Thư đề ngày là Chính hòa năm thứ 24, tháng 8, ngày 14.

5/ Văn bản cuối cùng thuộc năm 1703 ở trong tập V-656 là văn bản nằm ở hai trang 1-322, viết trên giấy tây khổ 19 × 25,5 cm. Văn bản mở đầu bằng một câu la-tinh, sau viết tiếp khoảng 54 dòng Quốc ngữ, mỗi dòng khoảng 23 chữ (trang 321 : 45 dòng, trang 322 : 9 dòng 1/2). Cuối văn bản có 6 dòng chữ ký của Juse Huân, Văn Thuận, Văn Cảnh, Văn Thuyên, Văn Toán, Văn Huy. Nội dung là một bức thư chung, tố cáo linh mục Fuciti. Thư đề ngày là Chính hòa năm thứ 24, tháng 11, ngày 12.

Trong tập V-662 (Xứ Đàng ngoài, khoảng 1679-1711) hiện có một văn bản thuộc năm 1704. Văn bản này gồm 64 dòng (ở trang 353 : 29 dòng, trang 354 : 27 dòng, trang 355 : 8 dòng), mỗi dòng khoảng 13 chữ. Giấy tây khổ 15 × 20,5 cm. Đây là một tờ khai của các thầy giảng, kẻ giảng xứ Đàng ngoài (Joseph Huân, Tito Bơn, Văn Chí, Văn Cảnh. . .) khai trước mặt thư ký của Giáo hoàng là Gabriel Guisain. Tờ khai này làm ngày 14 tháng 8 năm Chính hòa thứ 25.

Trong tập V-1098 (một cuốn sổ giấy tây, khá dày, khổ 10 × 15 cm) có một tài liệu in, nhan đề là *Tam giáo chư vương* (= những sự bậy bạ của tam giáo). Tài liệu này dài 5 trang, mỗi trang khoảng 24 dòng, mỗi dòng khoảng 9 chữ. Tài liệu này chia thành ba phần, gọi là ba quyền : quyền I nói về *Nho giáo chư vương*, quyền II nói về *Đạo giáo chư vương*, quyền III nói về *Thích giáo chư vương*. Tác giả tự xưng là Tây sĩ, đứng ra tranh luận với Đông sĩ. Ở trang 29 có nêu rõ "năm nay là Nhâm thân Cảnh hưng thập tam niên" tức 1752, nhưng niên đại do kho lưu trữ xác định lại là 1753; chúng tôi ngờ rằng vì đây là một tài liệu dài, phải viết hai năm mới xong, niên đại do kho lưu trữ xác định là một niên đại n cứ vào lúc đã hoàn thành.

Ở tập V-688 (xứ Đàng ngoài, khoảng 1751-1756) chúng tôi cũng đọc được ba văn bản :

1/ Một văn bản nằm ở trang 501, gồm 40 dòng, mỗi dòng 21 chữ, viết trên giấy tây khổ 16,2 × 23,5 cm : đây là một tài liệu bàn đến khả năng có thể kết hợp điều lệ của tôn giáo với một số phong tục ở trong nước như vấn đề nộp cheo, vấn đề người đồng tông họ họ đời thì có thể kết hôn với nhau v.v. . . Dưới tài liệu này có ghi Kẻ Bình, ngày 15/1/1754.

2/ Một tài liệu nằm ở trang 506, gồm 19 dòng, mỗi dòng khoảng 16 chữ, viết trên giấy tây khổ 16 × 17 cm. Nội dung văn bản này là lời thề của Phêrô Triêm, một sacerdote người Bồ-tô-nam: thề sẽ vâng theo các điều Giáo hoàng Vento 14 đã cấm đoán, nghĩa là thề sẽ từ bỏ các thủ tục cũ đã do một bậc bề trên quy định ở Macao từ hơn 30 năm trước, ngày 11/1/1721. Văn bản này được đề ngày là 15/3/1754.

3/ Và một văn bản nữa, nằm ở hai trang 507, 508, viết trên giấy tây khổ 16,2 × 23,5

cm : trang 507 gồm 27 dòng, mỗi dòng khoảng 8 chữ, trang 508 gồm 12 dòng, mỗi dòng khoảng 9 chữ. Đây là lời khai hai kẻ giảng Phan-chi-cô Báu, Bảo Lộc Việt làm giúp T. Nhâm đề làm chứng chuyện ông Cujose Moura dòng Đ.C.J ở thôn Hà đông, xã Phúc không cho tiến hành việc làm phép ở nhà thờ. Cuối văn bản này có đề " Cảnh hưng t. ngũ niên, nhuận nhị nguyệt sơ bát nhật". Nhưng sau đó có ghi thêm mấy dòng t. La-tinh và đề ngày 1/4/1754, rồi kể đến lại có người khác ghi thêm vài dòng La-tinh v. ngày 18/5/1754.

Ở tập V-689 (xứ Đàng ngoài, khoảng 1757-1761) số lượng văn bản lên đến coi cao nhất: kể cả trường hợp dài, trường hợp ngắn, tính ra đã có cả thảy đến hơn 30 bản !

1/ Từ trang 545 đến trang 560, trên giấy tây khổ 16,2 × 23,5 cm, có 16 đoạn ghi thẻ của ký lục Nha, mỗi đoạn ghi một lần thẻ, thường không dài lắm, ví dụ đoạn đầu gồm 26 dòng, mỗi dòng khoảng 10-12 chữ. Qua các đoạn này, chúng ta thấy ký lục phải thẻ đi thẻ lại nhiều lần, với nội dung đại để gần gần như nhau: lần thẻ thứ nhất vào ngày 21 tháng 12 năm Cảnh hưng thứ 19 (1758), lần thẻ thứ 16 ghi vào ngày mồng 3 tháng 3, năm Cảnh hưng thứ 20 (1759).

2/ Ở trang 259-260 có một văn bản dài 62 dòng, mỗi dòng khoảng 8 chữ, viết trên giấy tây khổ 21,5 × 25,3 cm : trang 259 gồm 29 dòng, trang 260 gồm 33 dòng. Đây là bức thư của Cujose Chính Lui Huy dòng Du-min-go phê phán cấp dưới không vâng lời và lệnh cất chức quyền của cấp dưới kể từ ngày 20 tháng 4 trở đi. Thư đề Kẻ Chợ, ngày tháng 3, 1759.

3/ Một văn bản nữa, nằm ở các trang 261, 262, 263. Đây là một văn bản ghi trên giấy moi, khổ 15,3 × 23,3 cm, gồm 28 dòng × 17 chữ ở trang 261, 28 dòng × 16 chữ ở trang 262 và hơn 1 dòng ở trang 263. Đây là một lá đơn của giáo dân xin phép bề trên họ cho họ được dùng thú tục lạy, như lạy sắc của Giáo hoàng, lạy xác cha mẹ, đề lương khỏi cười. Lá đơn này không đề ngày tháng, nhưng nếu căn cứ vào vị trí trong hồ sơ lưu trữ, thì chắc rằng đây cũng là một văn bản viết vào khoảng 1759-1760.

4/ Ở trang 426, 427, trên giấy tây khổ 16 × 22,6 cm lại còn bản sao của hai bức thư thứ nhất mở đầu bằng câu "Con mong tôi gọi là thầy Nghi, thánh hiệu Tadêu, thân Đức Cujose trăm nghìn lạy". Sau đó là 14 dòng, mỗi dòng khoảng 15 chữ, trình bày lý do sao trước đó, khoảng tháng 4, chưa dám tin lời thầy cả Đạt và thầy Thiên, khi hai thầy này đến làng truyền đạt lý do của cụ Bảo Lộc, là người tự xưng thay mặt Giáo hội. Bức thư này của thầy Nghi được viết ngày mồng 1 tháng 7 năm Cảnh hưng thứ 20.

Sau đó có ba dòng tiếng La tinh rồi đến bức thư thứ hai : một bức thư của thầy H. gửi M. Davoust, báo cáo chuyển đi vùng Bồ chính về. Bức thư này gồm 46 dòng, mỗi dòng khoảng 19 chữ (ở trang 426 có 14 dòng, trang 427 : 32 dòng). Cuối thư đề Kẻ Chợ ngày 27 tháng 8 Annam, sau đó kèm một câu tiếng Pháp "xác nhận sao y bản chính, ký B. Preydellet, 6/5/1760".

5/ Tiếp sau hai văn bản trên đây, từ trang 428 đến trang 438 là bản sao của 8 bức thư khác, đều viết trên giấy tây khổ 22,7 × 15,5 cm. Thư thứ nhất 25 dòng; thư số hai 25 dòng; thư số ba 62 dòng; thư số bốn 25 dòng; thư số năm 28 dòng; thư số sáu 31 d

r số bảy 32 dòng; thư số tám 29 dòng, mỗi dòng đều trung bình khoảng 17 chữ. Trong 8 c thư này có ba bức không đề ngày tháng song căn cứ vào nội dung và cách xếp đặt ng tập hồ sơ, có thể đoán chắc được rằng chúng cũng được viết trong cùng một thời với 5 bức thư kia, nghĩa là vào năm Cảnh hưng thứ 20 (1759), trong khoảng từ 15 ing 5 âm lịch (thư số 1) đến 24 tháng 7 (thư số 8). Hai bức thư đầu đều gửi cho ông Tả ên ở Bồ Chính, bức số 1 do F. Pereira gửi, bức số 2 do thầy Bảo Lộc gửi. Bức thư số 3 của Joannis Hiến viết đề trình bày về chuyển đi công cán của mình ở vùng Bồ Chính; c thư số 4 là của nhóm ông Tuyên, ông Ruy, ông Huy viết gửi lên bề trên, xác nhận có ứng kiến chuyện thầy Cả Đạt, thầy Vinh đến làng Trung Hòa triệu tập giáo dân, đọc o họ nghe lý do của thầy cả Bảo lộc; thư số 5 là thư thầy Hiến tường trình về chuyện i người nhà thầy cả Chấn (Văn Nhường, Văn Trương) bị đánh ở Bồ chính ngày mồng 6 ing 7; thư số 6 là thư của Joseph de Moura gửi cho ông Khán Điện ở huyện Ngọc Sơn, thư của linh mục Tuyên gửi cho "quan viên bôn đạo".

6/ Từ trang 463 đến trang 472 có ba văn bản đều thuộc vào loại tờ khai của hàng ực sắc trong giáo dân thuộc các địa phận khác nhau: khai báo về những việc liên quan n địa phận ở trong hai năm 1759, 1760. Từ trang 463 đến 465 là tờ khai của xã chính iàng Duy Lượng, tri sự Hoàng Duy Hàn, xã tư Đỗ Công Tăng, sắc mục Hoàng Đình úc về tình hình ở giáo phận xã Vinh trị, phủ Nghĩa Hưng. Văn bản này gồm 102 dòng (5 + 36 + 31), mỗi dòng độ 10 chữ, viết trên giấy tây khổ 16,2 × 25 cm, và đề ngày là ing 10 tháng 4 năm Cảnh hưng thứ 21. Từ trang 467 đến trang 468 là tờ khai của ba yện Chân định, Giao thủy, Nam chân thuộc phủ Thiên tràng. Văn bản này gồm 65 dòng (2 + 23) mỗi dòng khoảng 8 chữ, viết trên giấy cùng loại và cùng khổ như trên. Dưới văn n này có đề là tháng 6 năm Cảnh hưng thứ 21. Từ trang 469 đến trang 472 là tờ khai a ba huyện Thì anh, Phụ dục, Đông quan thuộc Thái bình phủ. Văn bản này cũng viết n loại giấy như trên, nhưng gồm đến 108 dòng (27 + 17 + 44 + 20), ba trang đầu ing bình mỗi dòng 9 chữ, trang cuối mỗi dòng 7 chữ. Dưới văn bản, ở tờ 472, có ghi là ít ngày 12 tháng 4 năm Cảnh hưng thứ 21.

7/ Cuối cùng, ở tập V-689 này lại còn có thêm ba bức thư nữa, ở hai trang 527, 528 : trang 527 trước hết có một bức thư 24 dòng (× 15 chữ) của Du-minh Phúc gửi lên Cha , sau đó lại có một bức thư ngắn (7 dòng × 15 chữ) của catéchist Động về cách điều nh của Joseph de Moura ở thôn Chính vi; ở trang 528 là bức thư của thầy cả Kiên gửi i vít-cô Ceamanie (11 dòng × 15 chữ). Bức thư đầu không đề ngày tháng, nhưng chắc ng thuộc năm 1760. Hai bức thư sau đều viết vào khoảng tháng giêng năm Cảnh hưng ứ 21 : bức số 2 viết ngày 24, bức số 3 viết ngày 26. Chất liệu giấy, khổ giấy đều giống c văn bản trước.

Đến đây còn lại ba tập V-1092, V-1102 và V-1093.

V-1092 là một cuốn sách nhỏ, khổ 12,3 × 16,3 cm, dày 173 trang mỗi trang khoảng dòng × 10-12 chữ, giấy gấn như giấy viết chữ nhỏ. Đây là một cuốn "kinh cho kẻ đả ực chịu lễ". Theo ông L.M. Vérinaud, phụ trách ở kho lưu trữ cho biết, thì đây là một n bản soạn thảo vào năm 1765.

V-1102 cũng là một cuốn sổ nhỏ, khổ 10,4 × 15,2 cm, dày 1cm80. Trong cuốn sổ này

hiện có một văn bản 17 trang rưỡi, mỗi trang khoảng 23 dòng \times 8, 9 chữ, có nhan đề "Cứ ngũ thường nhi nghiệm thiên chúa chi đạo". Văn bản này không ghi ngày tháng, nhưng có thể chắc rằng đây là một tài liệu viết khoảng 1786, vì trong sổ này có đoạn cho biết cuốn sổ được ghi chép vào năm Cảnh hưng, Bính ngọ.

V-1093 hoàn toàn giống V-1102 về mặt khổ giấy, chất liệu giấy cũng như chiều dài. Đây là một cuốn sổ ghi chép của Langlois trong khoảng 1795-1797. Trong cuốn này cũng có một vài văn bản đáng lưu ý, như:

1/ "Phép chung hai Vít-vo ra cho cả và nhà Đ.C.B ở trong nước Tungking được c 18 trang rưỡi, mỗi trang khoảng 23 dòng, mỗi dòng khoảng 9 chữ.

2/ "Sách dạy các thầy thuốc, các bà sinh và các bôn đạo có vợ chồng, cho biết cách chữa lấy các con trẻ về phần linh hồn" : 14 trang rưỡi, mỗi trang có số dòng, số chữ đề như trên. Đây là một văn bản có nói đến mặt thuốc thang, nhưng chủ yếu nói đến thủ tục về tôn giáo khi chăm sóc người bệnh.

Trên đây là nói đến các văn bản văn xuôi viết bằng chữ Quốc ngữ. Còn nếu tính văn xuôi viết bằng chữ Nôm, thì lại còn có cả văn bản thuộc những năm 1670, 1676, 1692, 1693, 1694, 1767, 1769, 1771. Gần đây đồng chí Nguyễn Phan Quang lại cung thêm cho chúng tôi hai văn bản khoảng 1730-1732 : văn bản ký hiệu K.1230, No 22 và văn bản ký hiệu K.1230, No 225, vốn của kho lưu trữ Trung tâm truyền giáo nước ngoài nhưng nay đã thuộc hồ sơ Thư viện quốc gia Paris⁽⁴⁾. Thế nghĩa là hiện nay, giữa hai mốc vốn có khá đầy đủ tư liệu, lấp khoảng trống hơn 150 năm ở giữa, với một mặt đề thể nói là khá dày đặc. Chỉ còn một khoảng trống nhỏ độ hơn 20 năm (1704, 1730), nhưng đó là một khoảng thời gian rất ngắn không đáng kể, nhất là nếu so với sự diễn biến ngôn ngữ phổ thông.

Các văn bản trên đây là do nhiều người, ở nhiều địa bàn khác nhau thuộc xứ Đàng ngoài cũng như xứ Đàng trong viết ra theo một lối viết phản ánh khá sát đúng ngôn ngữ nói của người Việt. Khối lượng ước tính tổng cộng có thể lên đến hơn 600 trang, chủ yếu phần văn bản Nôm. Rõ ràng đây là một nguồn tư liệu có giá trị lịch sử rất quý, có giúp chúng ta hiểu rõ hơn về nhiều mặt trong xã hội Việt nam thời bấy giờ mà trước đây đối với chúng tôi - là về tình hình tiếng Việt khoảng từ nửa sau thế kỷ 17 đến nửa sau thế kỷ 18. Hơn nữa, sau khi đã được miêu tả và đã được đem ra so sánh với các văn bản thuộc giai đoạn sau, rõ ràng đây cũng là một nguồn tư liệu có thể cho phép chúng ta rõ hơn về các chiều hướng diễn biến và về các bước chuyển tiếp dần dần, khi đi từ tiếng Việt đầu thế kỷ 17 đến tiếng Việt đầu thế kỷ 19. Mấy năm gần đây một số công trình nghiên cứu ngữ pháp lịch sử tiếng Việt vừa được công bố. Nhiều hiện tượng khá thú vị đã được nêu lên, như hiện tượng hay dùng *những*, *mọi*, *một* trước động từ (thế kỷ 17), hiện tượng dùng *phô* song song bên cạnh *những*, *các*, dùng *cả* và song song bên cạnh *cả* (đầu thế kỷ 19) v.v. . .⁽⁵⁾. Chúng tôi ngờ rằng trong mấy thế kỷ vừa qua, ở tiếng Việt đã xảy ra xu thế: dần dần giảm bớt số lượng hư từ (mất *phô*, mất *cả* và, *thay thay*. . .), nhưng cùng thời cũng dần dần định hình rõ chức năng hư từ, theo hướng chuyên môn hóa (như *những*, *mọi*, *một* chuyển sang chuyên dùng ở danh ngữ; và tách ra, vừa đối lập với vừa đối lập với *vừa*. . .). Với những văn bản vừa tìm được, rõ ràng là chúng ta có t

c nhiều chỗ dựa mới (ngữ cảnh mới, số liệu mới) có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn, sắc hơn về các hiện tượng trên, xu thế trên.

Nhưng không chỉ có thế. Trong các văn bản vừa giới thiệu trên đây, thỉnh thoảng lại có thể gặp cả những hiện tượng rất mới, mà trong *Sách số sang chép các việc* cũng trong *Phép giảng tám ngày* chúng ta chưa bao giờ từng gặp. Một ví dụ : từ *hoa* trong hai của xã Vinh trị, phủ Nghĩa hưng (V-689, trang 463-465, Cảnh hưng 21). Đây là từ đứng trước danh từ chỉ người, dùng để diễn đạt số nhiều, giống như các ở tiếng hiện đại hay *phô* ở tiếng Việt từ thế kỷ 19 trở về trước : Ví dụ : - *hoa thầy là người u ? - xin hoa thầy có lời cho chúng tôi được biết - chúng tôi thấy hoa người ấy nói u lời cứng cỏi. . .* Trong văn bản chúng tôi gặp cả thầy 22 lần *hoa* dùng với ý nghĩa trên. Nhưng trong văn bản cũng có *các*, đối lập với *hoa* ở chỗ *các* dùng khi nói đến người quen thuộc còn *hoa* thì dùng khi nói đến những người mới đến từ xa, người chưa hề quen biết. So sánh : ". . . *hoa* thầy có đưa thư từ gì đến, xin *hoa* thầy nói cho thà, cùng đưa thư ra cho *các* thầy chúng tôi". Có thể nghĩ rằng ở tiếng Việt hay ít thì cũng ở tiếng địa phương vùng Nghĩa hưng hồi bấy giờ *hoa* là một từ dùng để đạt ý nghĩa số nhiều với sắc thái lễ phép, lịch sự, gần gũi như quý trong quý ngài, vị hiện nay.

Nhưng cố nhiên, tất cả những điều vừa nói trên đây cũng mới chỉ là một vài lời giới thiệu sơ bộ, có tính chất gợi mở ban đầu. Đứng trước kho tư liệu vừa mới tìm được này, việc trước mắt của chúng ta (xác minh, công bố, miêu tả, đối chiếu. . .) vẫn còn là công việc khá nặng nề, đòi hỏi nhiều công sức và nhiều thì giờ.

CHÚ THÍCH

(1) Xin xem N. V. Xtan-kê-vích : Một vài suy nghĩ bước đầu về việc nghiên cứu pháp lịch sử tiếng Việt (Ngôn ngữ, 1978, số 4).

(2) Sở dĩ chúng tôi được vào làm việc ở kho lưu trữ này là nhờ có sự giới thiệu các ông Ph. Langlet, Y. Hervouet và nhất là nhờ có sự tận tình giúp đỡ của các L. M. J. Verinaud, L. M. Cl Lange. Nhân đây, chúng tôi xin tỏ lời chân thành ơn của chúng tôi.

(3) Về nhân danh, địa danh, tên chức vụ. . . giữa các văn bản thường không có hống nhất, khi viết thế này, khi viết thế khác. Chúng tôi chủ trương vẫn đề tên như trong bản gốc, đề tiện bề tra cứu.

(4) Hai văn bản này nằm trong tập *Manuscrits en langue cochinchinoise relatifs Missions étrangères en Conchinchine et Cambodge, 1730-1732*. Đồng chí Trần Phan Quang đã in ở Paris và đem về trao lại cho chúng tôi, chúng tôi xin thành cảm ơn.

(5) Xin xem Trần Thị Mỹ, Nguyễn Thiện Nam - Một vài nhận xét về cách dùng từ *một*, *phô*, *thay* *thầy*, *cả* và v.v. . . trong văn xuôi cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19 (Ngôn ngữ, 1981, số 1) ; ngữ pháp của các từ phụ cho động từ trong tiếng Việt, một số văn bản của giáo hội Thiên chúa, thế kỷ 17 (Ngôn ngữ, 1981, số 3+4).